

THỊ TRƯỜNG THỦY SẢN

- ▶ Theo Công ty Tư vấn thị trường Tôm Insights, nhập khẩu tôm toàn cầu trong 8 tháng đầu năm 2020 ước tính tăng 1% so với cùng kỳ năm 2019.
- ▶ Giá tôm HOSO của Ê-cu-a-đo tăng từ 0,1 - 0,3 USD/kg so với tuần cuối tháng 9/2020.
- ▶ Xuất khẩu thủy sản của Việt Nam tháng 10/2020 ước đạt 200 nghìn tấn, trị giá 840 triệu USD, giảm 9,38% về lượng, nhưng tăng 0,74% về trị giá so với tháng 10/2019.

THỊ TRƯỜNG THỦY SẢN THẾ GIỚI

- **Thị trường tôm:** Theo Công ty Tư vấn thị trường Tôm Insights, nhập khẩu tôm toàn cầu trong 8 tháng đầu năm 2020 ước tính tăng 1% so với cùng kỳ năm 2019.

Trong đó, nhập khẩu tôm của Trung Quốc tháng 7 và tháng 8/2020 giảm 30% so với cùng kỳ năm 2019 khi nước này phát hiện dấu vết dương tính của coronavirus trên các gói tôm đông lạnh nhập khẩu từ Ê-cu-a-đo. Mặc dù nhập khẩu tôm của Hoa Kỳ tăng 15% trong tháng 7 và tháng 8/2020, nhưng không thể bù đắp phần giảm nhu cầu của Trung Quốc. Tổng nhập khẩu tôm của EU, Hoa Kỳ và Trung Quốc trong tháng 7 và tháng 8/2020 giảm 6% so với cùng kỳ năm 2019.

Tính chung 8 tháng đầu năm 2020, lượng tôm nhập khẩu tăng 1% so với cùng kỳ năm 2019 chủ yếu do nhập khẩu trong 3 tháng

đầu năm 2020 của các thị trường lớn nhất đều có tốc độ tăng trưởng trên 10% so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, chỉ có Hoa Kỳ là thị trường duy nhất có lượng tôm nhập khẩu tăng so với cùng kỳ năm 2019 trong 8 tháng đầu năm 2020.

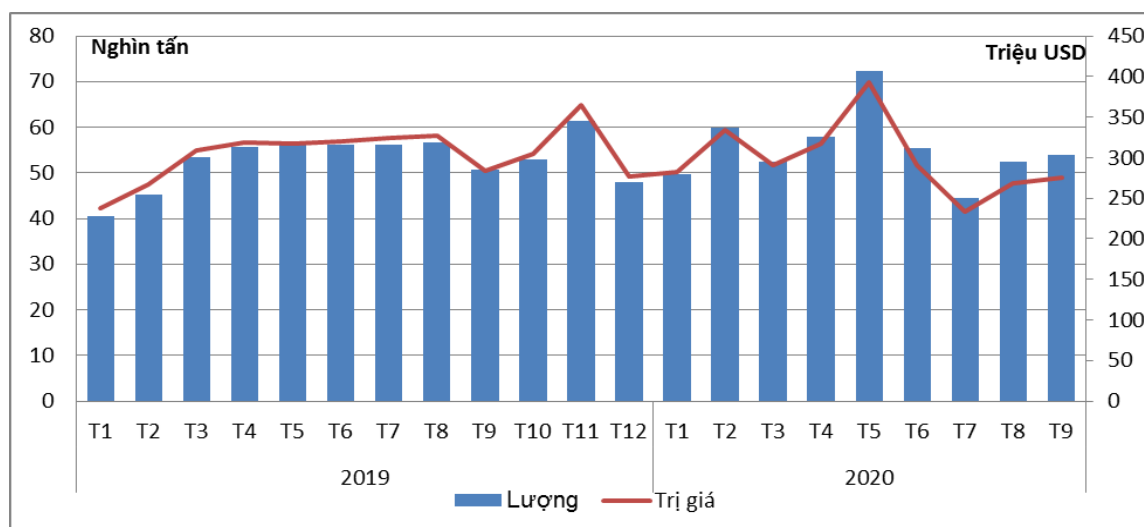
- **Ê-cu-a-đo:** Đầu tháng 10/2020, giá tôm HOSO của Ê-cu-a-đo tại đầm tăng từ 0,1 - 0,3 USD/kg, sau khi giảm 0,2 - 0,8 USD/kg trong tuần cuối tháng 9/2020. Theo đó, ngày 13/10/2020, giá tôm HOSO cỡ 20/30 của Ê-cu-a-đo tại đầm giao dịch ở mức 5,30 USD/kg; giá tôm cỡ 30/40 giao dịch ở mức 4,30 USD/kg; tôm cỡ 40/50 giao dịch ở mức 4,15 USD/kg; giá tôm cỡ 50/60 giao dịch ở mức 3,60 USD/kg; giá tôm cỡ 60/70 giao dịch ở mức 3,40 USD/kg; giá tôm cỡ 80/100 giao dịch ở mức 2,70 USD/kg.

Giá tôm tại Ê-cu-a-đo tăng khi người nuôi tôm có xu hướng giảm diện tích thả nuôi và xuất khẩu tôm phục hồi trở lại.

Theo Văn phòng Nuôi trồng Thủy sản Ê-cu-a-đo (CAN), tháng 9/2020, xuất khẩu tôm của Ê-cu-a-đo đạt 54 nghìn tấn, tăng 3% so với tháng 8/2020 và tăng 6,2% so với tháng 9/2019.



Xuất khẩu tôm của Ê-cu-a-đo năm 2019 - 2020



Nguồn: CAN

Xuất khẩu tôm của Ê-cu-a-đo tháng 9/2020 tăng khi xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc tăng tới 66% so với tháng 8/2020, đạt 21,6 nghìn tấn, nhưng vẫn giảm 28,9% so với cùng kỳ năm 2019. Tỷ trọng xuất khẩu tôm của Ê-cu-a-đo sang Trung Quốc tăng lên 40%, so với mức trung bình 33%. Trong khi đó, xuất khẩu tôm của Ê-cu-a-đo sang châu Âu và Hoa Kỳ tháng 9/2020 giảm lần lượt 8% và 23% so với tháng trước, xuống còn 16 nghìn tấn và 11,7 nghìn tấn, nhưng vẫn tăng lần lượt 100,1%

và 34% so với tháng 9/2019.

Giá tôm xuất khẩu của Ê-cu-a-đo trong tháng 9/2020 trung bình ở mức 5,11 USD/kg, giảm so với mức 5,13 USD/kg của tháng 8/2020. Giá tôm xuất khẩu giảm khiến trị giá xuất khẩu tôm của Ê-cu-a-đo giảm 2,99% so với cùng kỳ năm 2019, xuống còn 276 triệu USD trong tháng 9/2020. Tổng trị giá xuất khẩu tôm Ê-cu-a-đo trong 9 tháng đầu năm 2020 là 2,69 tỷ USD, giảm 0,7% so với cùng kỳ năm 2019. Lượng xuất khẩu tôm đạt 499 nghìn tấn, tăng 5,8% trong cùng kỳ so sánh.

Thị trường xuất khẩu tôm của Ê-cu-a-đo tháng 9 và 9 tháng năm 2020

Thị trường	Tháng 9/2020		So với tháng 9/2019 (%)		9 tháng năm 2020		So với 9 tháng năm 2019 (%)	
	Lượng (tấn)	Tri giá (Triệu USD)	Lượng	Tri giá	Lượng (tấn)	Tri giá (Triệu USD)	Lượng	Tri giá
Tổng	53.955	276	6,2	-2,9	498.776	2.687	5,8	-0,7
Trung Quốc	21.601	106	-28,9	-37,7	262.921	1.398	9,3	2,9
Hoa Kỳ	11.733	63	99,9	100,1	90.429	488	51,3	41,6
Tây Ban Nha	4.984	24	-9,1	-18,3	37.421	192	33,9	22,6
Pháp	2.946	16	24,3	7,3	27.203	148	24,0	8,2
ý	2.785	14	44,1	36,1	16.140	88	-14,5	-20,3
Nga	2.505	11	149,8	111,3	9.916	48	23,6	18,7

Thị trường	Tháng 9/2020		So với tháng 9/2019 (%)		9 tháng năm 2020		So với 9 tháng năm 2019 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (Triệu USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (Triệu USD)	Lượng	Trị giá
Hà Lan	1.179	9	300,6	307,7	5.334	42	107,0	106,2
Bỉ	588	4	257,7	218,2	3.956	31	80,9	76,9
Hàn Quốc	803	4	144,8	147,6	8.080	42	4,0	-9,5
Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất	751	4			2.236	12	9.759,3	14.169,8
Thị trường khác	4.080	21	37,5	18,0	35.140	197	-57,1	-58,4

Nguồn: CAN

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Sau khi ổn định trong 2 tuần đầu tháng 10, giá cá tra nguyên liệu nửa cuối tháng 10 tại An Giang tăng do tình hình xuất khẩu cải thiện; giá tôm nguyên liệu tại Cà Mau tương đối ổn định.

Giá cá tra nguyên liệu tại An Giang ngày 29/10/2020

Mặt hàng	Trọng lượng	Dạng sản phẩm	Đơn giá (đ/kg)	So với ngày 15/10/2020 (đ/kg)	So với cùng kỳ năm trước (đ/kg)
Cá Tra thịt trắng	0,7-0,9kg/con	Tươi	20.000-22.000	(+) 1.800-3.500	(+) 1.000
Cá Tra thịt trắng	>1kg/con	Tươi	22.500-23.000	(+) 4.000	3.000-3.500

Nguồn: Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại tổng hợp

Giá thủy sản nguyên liệu tại Cà Mau ngày 29/10/2020

Mặt hàng	Kích cỡ	Dạng sản phẩm	Giá ngày 15/10/2020 (đ/kg)	Giá ngày 21/10/2020 (đ/kg)	Giá ngày 29/10/2020 (đ/kg)
Tôm sú (sống)	20 con/kg	(sống sinh thái)	240.000	240.000	240.000
Tôm sú (chết)	20 con/kg	Nguyên liệu	227.000	228.000	228.000
Tôm sú (sống)	30 con/kg	(sống sinh thái)	205.000	205.000	205.000
Tôm sú (chết)	30 con/kg	Nguyên liệu	180.000	180.000	180.000
Tôm sú (sống)	40 con/kg	(sống sinh thái)	159.000	160.000	160.000
Tôm sú (chết)	40 con/kg	Nguyên liệu	140.000	140.000	140.000
Tôm đất (sống)	Loại I	(sống)	100.000	100.000	100.000
Tôm đất (chết)	Loại I	Nguyên liệu	80.000	80.000	80.000
Tôm Bạc	Loại I	Nguyên liệu	70.000	70.000	70.000
Tôm Thẻ chân trắng	70 con/kg	Mua tại ao đầm	122.000	126.000	126.000
Tôm Thẻ chân trắng	100 con/kg	Mua tại ao đầm	83.000	85.000	85.000
Mực tua (sống)		(sống)	130.000	130.000	130.000
Mực ống	Loại I		120.000	120.000	120.000
Cá Chêm	1 con/ kg		100.000	110.000	110.000

Nguồn: Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại tổng hợp



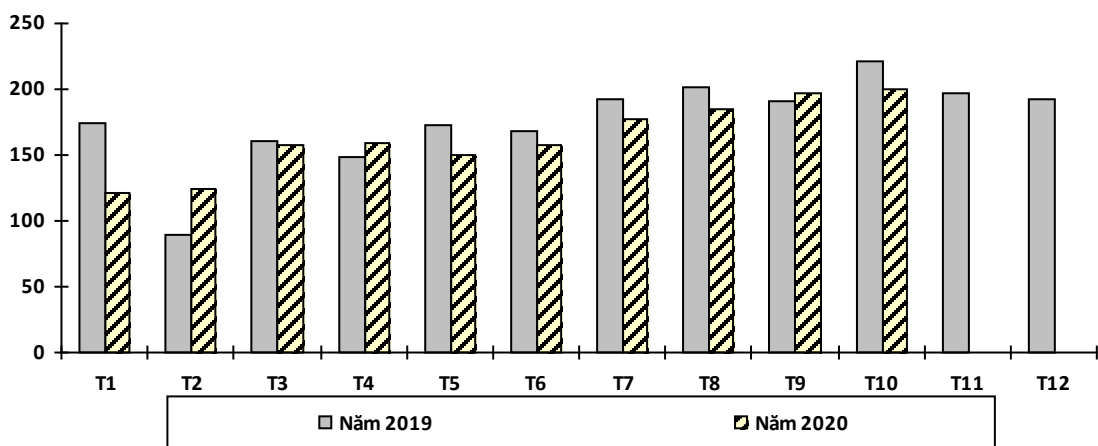
TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU THỦY SẢN

Xuất khẩu thủy sản của Việt Nam tháng 10/2020 ước đạt 200 nghìn tấn, trị giá 840 triệu USD, giảm 9,38% về lượng, nhưng tăng 0,74% về trị giá so với tháng 10/2019. Tính

chung 10 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam ước đạt 1,63 triệu tấn, trị giá 6,87 tỷ USD, giảm 5,26% về lượng và giảm 2,74% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019.

Xuất khẩu thủy sản của Việt Nam năm 2019 - 2020

ĐVT: Nghìn tấn



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan và ước tính tháng 10/2020

Theo tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan, xuất khẩu thủy sản tháng 9/2020 đạt 196,36 nghìn tấn, trị giá 826,3 triệu USD, tăng 6% về lượng và tăng 1,4% về trị giá so

với tháng 8/2020; tăng 3% về lượng và tăng 13,6% về trị giá so với tháng 9/2019. Tính chung 9 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam đạt 1,43 triệu tấn, trị

giá 6,03 tỷ USD, giảm 4,6% về lượng và giảm 3% về trị giá so với 9 tháng đầu năm 2019.

Tháng 9/2020, xuất khẩu cá tra, cá đông lạnh, cá ngừ giảm trong khi xuất khẩu tôm tăng trưởng khả quan. Theo đó, tháng 9/2020, xuất khẩu tôm các loại đạt 42 nghìn tấn, trị giá 381 triệu USD, tăng 17,4% về lượng và tăng 25,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019; Trong khi xuất khẩu cá tra, basa đạt 73 nghìn tấn, trị giá 128,6 triệu USD, giảm 2,9% về lượng và giảm 17,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019.

Tính chung 9 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu tôm chiếm 20,56% về lượng và 44,1% về trị giá trong tổng xuất khẩu thủy sản của Việt Nam; cá tra chiếm 38,1% về lượng và 17,23% về trị giá; chả cá chiếm 7,82% về lượng và 3,79% về trị giá; cá ngừ chiếm 6,98% về lượng và 7,86% về trị giá; bạch tuộc chiếm 1,9% về lượng và 2,92% về trị giá; mực chiếm 2,68% về lượng và 3,55% về trị giá; nghêu chiếm 1,85% về lượng và 0,82% về trị giá....

Mặt hàng thủy sản xuất khẩu tháng 9 và 9 tháng năm 2020

Mặt hàng	Tháng 9/2020		So với tháng 9/2019 (%)		9 tháng năm 2020		So với cùng kỳ năm 2019 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Tổng	196.365	826.310	3,0	13,5	1.428.737	6.035.144	-4,6	-3
Tôm các loại	42.021	381.047	17,4	25,1	293.702	2.661.075	7,8	10,6
Cá tra, basa	73.069	128.581	-2,9	-17,7	544.288	1.040.149	-12,2	-28,6
Cá đông lạnh	15.855	74.174	-38,1	-6	155.864	660.814	-8,4	-0,3
Cá ngừ các loại	12.243	59.303	-5,9	12,4	99.766	474.653	-9,7	-12,8
Chả cá	14.740	30.684	-2,3	1,4	111.730	228.729	-7,5	-6,3
Mực các loại	4.654	27.122	26,6	28,2	38.245	214.362	14,6	2
Cá khô	14.930	44.055	102,8	102,6	60.247	193.988	14,5	12,1
Bạch tuộc các loại	3.561	23.510	6,0	13,7	27.098	175.960	-15,9	-17,5
Cua các loại	1.372	14.096	160,7	69,7	7.670	86.474	98	65,7
Cá đóng hộp	2.957	7.101	3,8	-23,4	21.401	54.780	-4,6	-9,8
Nghêu các loại	3.763	7.292	6,7	15,3	26.469	49.324	-5,2	-5,3
Ghẹ các loại	531	5.090	-29	-10,3	4.937	37.035	25,3	-19,8
Trứng cá	222	3.535	-8	-6,2	1.995	31.314	-12,3	-7,9
Ruốc	1.891	1.924	31,4	49,7	10.073	12.611	31,6	31,5
Sò các loại	93	534	-1,9	-40,3	1.623	11.254	73	48,4
ốc các loại	154	695	-11,6	-11,7	1.539	7.097	-14,5	45,2
Mặt hàng khác	4.309	17.566	132,7	198,1	22.089	95.524	40,9	127,1

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan